TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57 /2020/HS-PT
Ngày: 04 - 05 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành
Ông Nguyễn Cường

Thư ký phiên tòa: Bà V Thanh Thủy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 86/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo: Phạm Thanh H và Lê Ngọc Minh H1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1- Phạm Thanh H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1998 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Sinh viên trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng; Con ông Phạm Văn T (sinh năm 1968) và bà Trương Thị Thanh H (sinh năm 1975); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2 - Lê Ngọc Minh H1, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1998 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Sinh viên trường Đại học Duy Tân Đà Nẵng; Con ông Lê Ngọc M (sinh năm 1976) và bà Trần Thị T (sinh năm 1977); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh H, Lê Ngọc Minh H1: Ông Nguyễn Thành T, Luật sư Văn phòng luật sư Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Ngoài ra còn có bị cáo Lương Thành Quốc H2 không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ tháng 8/2017 đến cuối năm 2018, Phạm Thanh H và Lê Ngọc Minh H1 nảy sinh ý định lừa đảo trong thương mại điện tử nhằm chiếm đoạt tài sản người khác bằng hình thức đăng thông tin giả mạo bán xe máy nhập khẩu giá rẻ trên các trang mạng thương mại điện tử và mạng xã hội để lừa người có nhu cầu mua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng rồi chiếm đoạt sử dụng cá nhân. H gặp Lương Thành Quốc H2 đặt vấn đề mua thẻ tài khoản ngân hàng để thực hiện hành vi phạm tội. H2 thống nhất thực hiện với giá 2.500.000 đồng/thẻ và yêu cầu H cần cung cấp số điện thoại để đăng ký dịch vụ nhắn tin SMS. H2 gặp Nguyễn Thành T, Nguyễn Đức H3, Phan Thanh L, Nguyễn Đoàn Long V , Phạm Duy Đại D và Nguyễn Trọng H4 là những người bạn học cùng lớp X Khoa Công Nghệ - Đại học Kiến Trúc với H2 để nhờ những người này mở tổng cộng 12 thẻ tài khoản ngân hàng S, V rồi bán cho H2 số thẻ này. Khi biết được thì H1 nhờ H hướng dẫn, giới thiệu H1 mua thẻ tài khoản từ H2 để thực hiện cách thức phạm tội giống như H. Bị cáo H2 đã bán cho H 08 thẻ, bán cho H1 03 thẻ và bán cho Đoàn Công H5 01 thẻ.

Sau khi mua được thẻ tài khoản ngân hàng này, H và H1 sử dụng điện thoại di động hoặc truy cập các điểm cung cấp dịch vụ internet để đăng tin giả mạo bán xe máy các loại trên các trang mạng xã hội và các trang mua bán trực tuyến trên mạng internet để người mua tin tưởng nộp tiền đặt cọc và các khoản phí dịchvụ khác theo yêu cầu của H, H1 vào các tài khoản này rồi chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1- Đối với Phạm Thanh H: H cung cấp các số điện thoại 01677007592, 0946927903, 0963095312, 0935121120, 0983476527 cho H2 để đăng ký tin nhắn SMS trên các số tài khoản. H sử dụng điện thoại Iphone 4S đăng tin giả mạo bán xe máy nhập khẩu giá rẻ trên các trang mạng như tài khoản facebook "Long V", "Nguyễn Đại D", các trang website bán hàng trực tuyến nhưrongbay.com, muaban.net, muaban.com kèm theo các số điện thoại 0899245215, 0869682394,01699693287, 0984988482, email nguyenvantai30589@gmail.comđê liên lạc với bị hại. Khi người mua gọi điện đến hỏi mua xe thì H yêu cầu người mua không sử dụng chức năng đặt hàng trên các trang website mà chuyển tiền đặt cọc trực tuyến vào các tài khoản do H chỉ định. Khi nhận được tin nhắn SMS báo có tiền chuyển đến thì H cắt đứt liên lạc với người mua và rút tiền sử dụng cá nhân.

Từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2018, H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 145 người với tổng số tiền là 1.603.174.400 đồng cụ thể như sau:

- Tài khoản số 040059800533 đứng tên Nguyễn Thành T tại Ngân hàng S chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 21/8/2017 đến ngày 30/6/2018 có 09 bị hại chuyển vào tổng cộng 37.600.000 đồng.

Tài khoản số 1001000286391 đứng tên Nguyễn Đức D tại Ngân hàng V Việt

Nam chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/6/2018 có 01 bị hại chuyển vào số tiền 2.000.000 đồng.

Tài khoản số 101868456606 đứng tên Nguyễn Đức H3 tại Ngân hàng V chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 07/6/2018 đến ngày 12/6/2018 có 01 bị hại chuyển vào số tiền 14.000.000 đồng.

Tài khoản số 040069079387 đứng tên Phan Thanh L tại Ngân hàng S chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 03/5/2018 đến ngày 30/6/2018 có 32 bị hại chuyển vào tổng cộng 242.098.000 đồng.

Tài khoản số 040069398628 đứng tên Nguyễn Đoàn Long V tại Ngân hàng S chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 13/5/2018 đến ngày 10/6/2018 có 17 bị hại chuyển vào tổng cộng 305.227.100 đồng.

Tài khoản số 105866814861 đứng tên Phạm Duy Đại D mở tại Ngân hàng V chi nhánh Quảng Bình từ ngày 08/12/2017 đến ngày 23/12/2018 có 50 bị hại chuyển vào số tiền 717.787.000 đồng.

Tài khoản số 040069020064 đứng tên Nguyễn Trọng H4 tại Ngân hàng S chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 29/4/2018 đến ngày 04/5/2018 có 01 bị hại chuyển vào tổng cộng 27.000.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được H rút ra sử dụng cá nhân hết, còn lại 20.148.402 đồng hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

2- Đối với Lê Ngọc Minh H1: từ sự giới thiệu của bị cáo H, bị cáo H1 đã cung cấp các số điện thoại 0868892148, 01202429313, 0899067021 cho H2 để H2 đăng ký tin nhắn SMS trên các số tài khoản. Sau đó H1 độc lập thực hiện hành vi (không còn liên quan đến H) sử dụng máy tính ở các đại lý Internet và điện thoại di động của H1 để đăng tin giả mạo bán xe máy nhập khẩu giá rẻ trên các trang mạng như tài khoản facebook mang tên "Đức D", "Nguyen X", "H1 Đức Nam", các trang website mua bán trực tuyến như Shopee.vn, 2banh.vn, xemaycugiare.com, muaban.net, raovat.vn, raovat24.com.vn, lozi.vn, anninhhaiphong.net kèm theo các số điện thoại 01225555381, 01215555381, tài khoản zalo "DucDieu Xetly" 0868492148 để liên lạc với bị hại. Khi người mua gọi điện đến mua xe thì H1 yêu cầu người mua không sử dụng chức năng đặt hàng trên các trang website mà chuyển tiền đặt cọc, tiền phí làm giấy tờ trực tiếp vào các tài khoản do H1 chỉ định. Khi nhận được tin nhắn SMS báo có tiền chuyển đến, H1 cắt đứt liên lạc với người mua và rút tiền sử dụng cá nhân.

Từ tháng 12/2017 đến 7/2018, H1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 162 bị hại với tổng số tiền là 1.132.026.420 đồng, cụ thể như sau:

Tài khoản số 101867935128 đứng tên Nguyễn Đức H5 tại Ngân hàng V chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 27/12/2017 đến ngày 30/6/2018 có 90 bị hại chuyển vào tổng cộng 661.726.420 đồng.

Tài khoản số 040069189271 đứng tên Nguyễn Đức H3 tại Ngân hàng S chi

nhánh Đà Nẵng từ ngày 07/5/2018 đến ngày 04/6/2018 có 51 bị hại chuyển vào tổng cộng 343.200.000 đồng.

- Tài khoản số 109868360473 đứng tên Phạm Thanh L tại Ngân hàng V chi nhánh Đà Nẵng từ ngày 25/5/2018 đến ngày 20/6/2018 có 21 bị hại chuyển vào tổng cộng 127.100.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được H1 rút ra sử dụng cá nhân, còn lại 137.716.826 đồng hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thanh H, Lê Ngọc Minh H1 phạm tội "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Phạm Thanh H 10 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2018.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Lê Ngọc Minh H1 09 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2018.

Ngày 06-12-2019 bị cáo Lê Ngọc Minh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09-12-2019 bị cáo Phạm Thanh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-VKS-P3 ngày 10-12-2019 kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm với nội dung đề nghị: không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của BLHS đối với các bị cáo H và H1; tăng hình phạt đối với 02 bị cáo H và H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về kháng nghị: đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị về nội dung "*đề nghị không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo H và H1*"; rút phần nội dung kháng nghị "*không áp dụng khoản 1 Điều 54 của BLHS và tăng hình phạt đối với 02 bị cáo H và H1"* vì các bị cáo vẫn đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS nên không tăng hình phạt; đồng thời không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho 02 bị cáo H và H1, Luật sư Nguyễn Thành T có ý kiến: cả 02 bị cáo tại giai đoạn phúc thẩm có nhiều tình tiết mới như đã tiếp tục bồi thường

cho những người bị hại đã được xác minh rõ nhưng chưa được bồi thường ở cấp sơ thẩm, những người bị hại chưa được xác định rõ thì không có thông tin liên hệ để bồi thường; có nhiều người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo H có hoàn cảnh rất khó khăn do gia đình chỉ có 02 mẹ con mà mẹ lại hay đau ốm, thần kinh suy nhược, gia định thuộc hộ cận nghèo, có người thân trong gia đình là ông Nguyễn Đình Q là liệt sỹ. Bị cáo H1 đã bồi thường hết cho những bị hại đã được xác định rõ; có nhiều bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, có ông Nội là ông Lê Đình C là cán bộ tiền khởi nghĩa có Huân chương; những tình tiết này đều mới so với bản án sơ thẩm. Do đó đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2018; các bị cáo Phạm Thanh H, Lê Ngọc Minh H1 đã có hành vi có hành vi lừa đảo trong thương mại điện tử nhằm chiếm đoạt tài sản người khác. Cụ thể như sau;

Phạm Thanh H sử dụng điện thoại Iphone 4S đăng tin giả mạo bán xe máy nhập khẩu giá rẻ trên các trang mạng. Khi người mua gọi điện đến hỏi mua xe thì H yêu cầu người mua không sử dụng chức năng đặt hàng trên các trang website mà chuyển tiền đặt cọc trực tuyến vào các tài khoản do H chỉ định. Khi nhận được tin nhắn SMS báo có tiền chuyển đến H thì cắt đứt liên lạc với người mua và rút tiền sử dụng cá nhân. Từ tháng 8/2017 đến tháng 12/2018, H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 145 người với tổng số tiền là 1.603.174.400 đồng.

Lê Ngọc Minh H1 sử dụng máy tính ở các đại lý Internet và điện thoại di động của H1 để đăng tin giả mạo bán xe máy nhập khẩu giá rẻ trên các trang mạng. Khi người mua gọi điện đến mua xe thì H1 yêu cầu người mua không sử dụng chức năng đặt hàng trên các trang website mà chuyển tiền đặt cọc, tiền phí làm giấy tờ trực tiếp vào các tài khoản do H1 chỉ định. Khi nhận được tin nhắn SMS báo có tiền thì H1 cắt đứt liên lạc với người mua và rút tiền sử dụng cá nhân. Từ tháng 12/2017 đến 7/2018, H1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 162 bị hại với tổng số tiền là 1.132.026.420 đồng.

Bản án sơ thẩm đã quyết định các bị cáo đã phạm tội "*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng nghị thì thấy: trong vụ án này, bị cáo H và bị cáo H1 là người giữ vai trò thực hành tội phạm một cách độc lập nên bị cáo H và H1 phải chịu hình phạt tương ứng với giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51

BLHS. Kháng nghị cho rằng các bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì 02 bị cáo H và H1 đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình trên cơ sở các sao kê giao dịch từ các tài khoản mà các bị cáo dùng để nhận tiền từ các bị hại; các bị cáo cũng đã có tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án trong khi việc truy tìm, xác minh bị hại rất khó khăn; tuy nhiên điều kiện để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS là phải tích cực hợp tác với Cơ quan có thẩm quyền nhằm phát hiện tội phạm mới hoặc đồng phạm mới; trong vụ án này do bị cáo H2 là người đã có lời khai ra đồng phạm là 02 bị cáo H và H1 (Lời khai đầu tiên là ngày 08/6/2018 tại Bút lục 335) trên cơ sở đó Cơ quan điều tra làm rõ vụ việc. Do đó các bị cáo chỉ được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS; phần nội dung Kháng nghị này là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với phần nội dung kháng nghị không áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và đề nghị tăng hình phạt đã được Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng tham dự phiên tòa phúc thẩm rút tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng nghị này.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo

Các bị cáo H và H1 đã được bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại; hiện là các sinh viên ở các Trường Đại học, chưa từng có tiền án, tiền sự; được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H tại phiên tòa phúc thẩm có một số tình tiết giảm nhẹ mới như gia đình thuộc hộ cận nghèo và có công cách mạng đồng thời đang có hoàn cảnh rất khó khăn do mẹ bị suy nhược thần kinh phải điều trị tại Bệnh viện; đã tiếp tục bồi thường cho người bị hại Ngô Thành Trung số tiền 18. 000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H1 tại giai đoạn phúc thẩm có một số tình tiết giảm nhẹ mới như gia đình có công cách mạng; đã bồi thường cho những người bị hại L Hồng T 22.000.000 đồng, Vũ Quang H 28.000.000 đồng, Võ Văn Việt 3.000.000 đồng, Dương Thị H 5.000.000 đồng, Phạm Thanh T 13.000.000 đồng, cộng lại thành số tiền: 71.000.000 đồng. Như vậy tại giai đoạn sơ thẩm bị cáo đã nộp 20.000.0000 đồng và với số tiền quy trữ 137.716.826 đồng thì tổng cộng đến nay bị cáo đã bồi thường khắc phục được 228.716.826 đồng, nhiều hơn số tiền mà bản án sơ thẩm tuyên buộc trách nhiệm bồi thường; thể hiện sự thành khẩn ăn năn hối cải, các bị hại này đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét chấp nhận các kháng cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm khuyến khích bị cáo chuyên tâm cải tạo, nhanh chóng hòa nhập cộng đồng xã hội.

[4] Về án phí: các bị cáo H, H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng về nội dung: không áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo;

Chấp nhận phần kháng nghị về nội dung: không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thanh H và Lê Ngọc Minh H1; sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

2 - Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt Phạm Thanh H 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2018.

3- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt Lê Ngọc Minh H1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 06 tháng 12 năm 2018.

4- Về án phí phúc thẩm bị cáo H và bị cáo H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

5- Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV, C. an TPĐN
- Cơ quan CSTHAHS,Công an thành phố ĐN;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn, công an Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long